

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ -ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh - Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt);

Bị đơn: Anh Đào Anh L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Số nhà XX, đường NT, khu hành chính XX phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 7 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đào Anh L ngày 14/3/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tích Sơn, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh L tại số nhà XXX, đường Hùng Vương, phường Đồng T, thành phố Vinh Yên. Sau đó vợ chồng thuê nhà ở tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên. Đến năm 2009 mẹ anh L mua đất xây nhà cho vợ chồng anh chị ở tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên. Đến năm 2019

vợ chồng bán nhà về ở với bố mẹ chị T . Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 6/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn, anh L làm ăn thua lỗ, nợ nần, nhiều người đến đòi nợ dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, có lần đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L .

Bị đơn anh Đào Anh L tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm không còn chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị T , anh L xác nhận vợ chồng có 3 con chung là Đào Lan A , sinh ngày 15/8/2008, Đào Phương L1, sinh ngày 29/10/2010 và Đào Thị Lan H1, sinh ngày 29/8/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị T . Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 02/3/2021 anh L đồng ý để chị T được nuôi cả 3 cháu. Tòa án đã lấy lời khai của cả 3 cháu, nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với mẹ.

Hiện nay chị T làm nghề bán hàng ăn tại chợ khu công nghiệp thu nhập khoảng từ 10.000.000đ – 15.000.000đ/ tháng, còn anh L theo anh cung cấp anh làm nghề lái xe tại huyện Mường Nhé, tỉnh Lai Châu, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Anh L đề nghị chia tài sản chung là 01 nhà xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ chị T cho vợ chồng, không có giấy tờ gì, tại khu hành chính 15, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên. Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến nộp tiền tạm ứng. Do anh L không chung sống cùng với chị T , Tòa án đã đến gia đình bà Đào Thúy Biết (mẹ của anh L) để gia đình giao thông báo cho anh L đến nộp tạm ứng chi phí tố tụng để Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tuy nhiên bà Biết không nhận giấy tờ gì của Tòa án và cũng không biết anh L đang ở đâu. Xác minh tại địa phương cũng không biết anh L đang ở đâu, nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đào Anh L theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Chị T , anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản riêng.

Về công nợ: Chị T , anh L xác nhận vợ chồng không nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị T và anh L xác nhận chị T có khoảng 3 tháng ở chung với mẹ anh L, trong thời gian này chị không cùng gia đình tạo L được tài sản gì. Ly hôn hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Đào Anh L; về con chung: Giao cháu Đào Lan A, sinh ngày 15/8/2008, cháu Đào Phương L1, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Đào Thị Lan H1, sinh ngày 29/8/2012 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung nhưng anh không nộp tạm ứng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, hiện anh cũng không có mặt ở địa phương. Do đó không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh L trong vụ án này; về tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T kết hôn với anh Đào Anh L trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và làm ăn, anh L nợ nần nhiều người, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, đánh nhau, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan

hệ tình cảm từ tháng 3/2020 đến nay. Chị T và anh L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh L cũng đồng ý. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung là Đào Lan A, sinh ngày 15/8/2008, Đào Phương L1, sinh ngày 29/10/2010 và Đào Thị Lan H1, sinh ngày 29/8/2012, hiện nay cả ba cháu đang ở với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả ba cháu, tại biên bản hòa giải ngày 02/3/2021 anh L đồng ý để chị T nuôi cả 3 con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện nay anh L không có mặt ở nhà, quan điểm của anh L cũng đồng ý để chị T được nuôi cả 3 con chung và nguyện vọng của cả 3 cháu đều xin được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu nên cần giao cả ba cháu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh L yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ chị T cho vợ chồng, không có giấy tờ gì. Tòa án yêu cầu anh L nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng để Tòa án xem xét, thẩm định, tại chỗ và định giá đối với nhà đất trên. Tuy nhiên anh L không nộp tạm ứng chi phí tố tụng và hiện nay không có mặt tại địa phương. Do đó nên không có căn cứ để giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh L. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh L trong vụ án này, nếu sau này anh L có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về công nợ: Chị T và anh L đều xác nhận vợ chồng không nợ ai tài sản gì.

[7] Về tài sản riêng, công sức: Chị T và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Đào Anh L.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thanh T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Lan A , sinh ngày 15/8/2008, cháu Đào Phương L1, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Đào Thị Lan H1, sinh ngày 29/8/2012. Anh Đào Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản riêng, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ: Không có;

6. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007140 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự ;
- UBND phường Tích Sơn (ĐKKH năm 2007);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

